

THÍCH ỨNG CỦA PHẠM NHÂN VỚI CHẾ ĐỘ SINH HOẠT VÀ LAO ĐỘNG TẠI TRẠI GIAM

Chu Văn Đức
ĐH Luật Hà Nội.

1. Sự biến đổi của thực trạng thích ứng của phạm nhân với chế độ sinh hoạt và lao động theo học vấn

Theo trình độ học vấn, mẫu nghiên cứu được chia thành ba nhóm: nhóm có trình độ học vấn tiểu học hoặc trung học cơ sở (nhóm TH-THCS), nhóm có trình độ học vấn trung học phổ thông, (nhóm THPT) và nhóm có trình độ học vấn trung cấp hoặc đại học (nhóm TC – ĐH).

Bảng 1: Sự thích ứng của phạm nhân với chế độ sinh hoạt và lao động ở các nhóm phạm nhân theo học vấn

TT	Mặt biểu hiện của sự thích ứng	M1- Điểm TB của nhóm "TH-THCS" (N1=124)	M2- Điểm TB của nhóm "THPT" (N2=118)	M3- Điểm TB của nhóm "TC-ĐH" (N3=72)	So sánh theo ANOVA*
1	Khuynh hướng hành động	1,43	1,42	1,51	
2	Tính tích cực của chủ thể	2,04	2,10	2,13	M1<M2, p=0,031 M1<M3, p=0,004
3	Mức độ quen thuộc của hành động	1,92	1,98	2,02	M1<M2, p=0,004 M1<M3, p=0,000
4	Sự chấp hành nội quy sinh hoạt và lao động	1,84	1,81	1,91	M1<M3, p=0,037 M2<M3, p=0,003

5	Cách ứng xử trong tình huống cụ thể	1,69	1,74	1,82	M1<M3, p=0,000 M2<M3, p=0,006
6	Cảm xúc trong hành động	1,83	1,86	2,04	M1<M3, p=0,000 M2<M3, p=0,000
7	Kết quả hành động	1,79	1,81	1,89	M1<M3, p=0,004 M2<M3, p=0,027
8	Tổng hợp	1,79	1,81	1,90	M1<M3, p=0,000 M2<M3, p=0,00

**Ghi chú: ở đây chỉ hiển thị những khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p \leq 0,05$).*

Từ kết quả khảo sát có thể rút ra một số nhận xét sau:

- Trừ mặt khuynh hướng hành động không thể hiện sự khác biệt có ý nghĩa, trên tất cả 6 mặt còn lại, gồm tính tích cực, mức độ quen thuộc, sự tuân thủ nội quy, cách ứng xử, cảm xúc và kết quả hành động, nhóm "TH-THCS" đều thích ứng tốt hơn nhóm "TC-ĐH".

- Nhóm "THPT" thích ứng tốt hơn nhóm "TC-ĐH" trên các mặt: sự tuân thủ nội quy, cách ứng xử, cảm xúc trong hành động và kết quả hành động.

- Giữa hai nhóm "TH-THCS" và "THPT", sự khác biệt có ý nghĩa chỉ thể hiện ở hai mặt: tính tích cực và mức độ quen thuộc của hành động. Cụ thể ở đây là nhóm "TH-THCS" thích ứng tốt hơn nhóm "TH phổ thông".

- Về tổng thể thì hai nhóm "TH-THCS" và "THPT" đều thích ứng tốt hơn nhóm "TC-ĐH", còn giữa hai nhóm "TH-THCS" và "THPT" sự khác biệt là không đáng kể.

Như vậy, những phạm nhân (PN) có trình độ học vấn thấp dễ thích ứng với chế độ sinh hoạt và lao động (CĐSH&LĐ) hơn những PN có trình độ học vấn cao. Kết quả này làm chúng tôi bất ngờ, bởi nó không phù hợp với kết luận của Ph.R.Xundurov rằng những PN có học vấn cao dễ thích ứng với cuộc sống ở trại giam nhanh hơn và chóng tiến bộ hơn (3). Để tìm kiếm thông tin nhằm lý giải cho kết quả này, chúng tôi đã dùng phương pháp phỏng vấn. PN Trần Kim T, người có trình độ đại học ngành kế toán tâm sự: "Em hối hận lắm, tiếc cho mình lắm. Đến bây giờ, em vẫn chưa tin được là sự việc lại như thế. Em được học hành tử tế, được đào tạo cơ bản, có trình độ, có việc làm tốt và ổn định, vậy mà giờ đây em đánh mất tất cả, phải vào đây, 9 năm 6 tháng, khoảng thời gian đó biết bao giờ mới kết thúc". Và khi chúng tôi đề cập vấn đề thích ứng với cuộc sống và lao động ở trại, Trần Kim T đáp ngay: "Làm sao mà em cảm thấy phù hợp, làm sao em dễ dàng quen được với công việc ở đây? Trước khi vào trại cán bộ biết em làm gì không? Em làm kế toán trưởng, giải quyết các vấn đề

về tài chính của công ty, đi công tác với giám đốc, gặp gỡ khách hàng, đối tác..., công việc không nhàn, thậm chí vất vả, nhưng em được đào tạo để làm việc đó. Còn ở đây, em làm ruộng, trồng rau, lao động đơn giản chẳng phải suy nghĩ gì, nhưng không phù hợp với em. Còn về sinh hoạt ở trại, cả vật chất và tinh thần, em cũng chưa thể quen được. Ý em không phải là em không chịu được khổ, thiếu thốn. Đúng là ăn uống ở trong trại thì khổ và thiếu thốn thật, nhưng đó không phải là vấn đề. Vấn đề ở đây là môi trường, những người xung quanh, văn hoá, cách người ta đối xử với nhau. Ở đây, nhìn ra xung quanh, về mặt ai cũng có vấn đề gì đó: căng thẳng, dăm chiêu, lo lắng, buồn chán, đau khổ, tuyệt vọng, tức giận hoặc là thờ ơ, vô cảm, chẳng thấy chút gì là hạnh phúc cả. Ngày ngày như thế, tháng tháng như thế, không biết ai, chứ em thì cảm thấy thật khó quen với nó". Và sự phân vân của chúng tôi hoàn toàn được giải toả khi trò chuyện với phó giám thị Lê Thanh B: "Tôi không biết anh nghiên cứu thế nào, nhưng điều anh nói đúng đấy. Người có học vấn càng cao, khi vào đây, họ càng khó chấp nhận với thực tế của bản thân. Họ hối tiếc những gì đã đánh mất, hối hận, trách cứ bản thân. Hơn nữa họ là những người đòi hỏi cao về tinh thần. Mà ở tù thì như anh biết đấy, thiếu thốn lớn nhất đó là về tinh thần chứ không phải vật chất". Như vậy, việc những PN có trình độ học vấn TH-THCS dễ thích ứng với CDSH&LD hơn những PN có trình độ TC-ĐH là hoàn toàn có thể hiểu được.

2. Sự biến đổi thực trạng thích ứng của PN với CDSH&LD theo mức án

Mức án của một PN là khoảng thời gian phạt tù mà PN đó phải chấp hành. Trong nghiên cứu của chúng tôi, theo mức án, có 3 nhóm PN: nhóm dưới 5 năm, nhóm từ 5 đến 10 năm và nhóm trên 10 năm.

Bảng 2: Sự thích ứng của PN với CDSH&LD ở các nhóm PN theo mức án

TT	Mặt biểu hiện của sự thích ứng	M1-điểm TB của nhóm "Dưới 5 năm" (N1=102)	M2-điểm TB của nhóm "Từ 5-10 năm" (N2=114)	M3-điểm TB của nhóm "Trên 10 năm" (N3=98)	So sánh theo ANOVA*
1	Khuynh hướng hành động	1.41	1.44	1.43	
2	Tính tích cực của chủ thể	1.92	1.91	2.11	M1<M3, p=0,016 M2<M3, p=0,009
3	Mức độ quen thuộc của hành động	1.90	1.95	1.96	
4	Sự tuân thủ nội quy	1.72	1.85	1.81	M1<M2, p=0,000

	trong sinh hoạt và lao động				$M1 < M3, p=0,000$
5	Cách ứng xử trong tình huống cụ thể	1.70	1.77	1.79	$M1 < M2, p=0,009$ $M1 < M3, p=0,006$
6	Cảm xúc trong hành động	1.95	1.94	1.83	$M3 < M1, p=0,000$ $M3 < M2, p=0,006$
7	Kết quả hành động	1.77	1.85	1.89	$M1 < M2, p=0,030$ $M1 < M3, p=0,000$
8	Tổng hợp	1,76	1,86	1,88	$M1 < M2, p=0,000$ $M1 < M3, p=0,000$

* Ghi chú: ở đây chỉ hiển thị những khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p \leq 0,05$).

Bảng 2 cho thấy:

- Nhóm “dưới 5 năm” thích ứng tốt hơn cả hai nhóm còn lại trên ba mặt: “sự tuân thủ nội quy”, “cách ứng xử” và “kết quả hành động”; thích ứng tốt hơn nhóm “trên 10 năm” về “tính tích cực”.

- Nhóm “từ 5 đến 10 năm” thích ứng tốt hơn nhóm “trên 10 năm” về “tính tích cực”.

- Nhóm “trên 10 năm” thích ứng tốt hơn cả hai nhóm còn lại về mặt “cảm xúc”.

- Về tổng thể thì nhóm “dưới 5 năm” thích ứng tốt hơn cả hai nhóm “từ 5 đến 10 năm” và “trên 10 năm”. Giữa nhóm “dưới 5 năm” và nhóm “trên 10 năm” sự khác biệt là không đáng kể về mặt thống kê.

Như vậy, trừ mặt cảm xúc, xuất hiện khuynh hướng (mặc dù chưa thật rõ rệt) là mức án càng cao thì PN càng khó thích ứng với CDSH&LĐ. Nhóm có mức án dưới 5 năm (thấp nhất) thích ứng tốt hơn cả hai nhóm còn lại. Kết quả này, theo chúng tôi, là có thể hiểu được: thời gian 5 năm, dẫu sao vẫn ngắn hơn rất nhiều so với từ 5 đến 10 năm và trên 10 năm, nghĩa là những PN này còn thấy được sự tự do trong tương lai gần, và nó càng gần hơn nếu họ tích cực cải tạo tốt. Điều này giải thích tại sao nhóm “dưới 5 năm” thích ứng tốt hơn cả hai nhóm còn lại trên các mặt: tính tích cực, sự tuân thủ nội quy, cách ứng xử và kết quả hành động. Thông tin thu được từ phỏng vấn cũng phù hợp với kết quả điều tra bằng bảng hỏi. Chẳng hạn, Lê Văn H, người đang chấp hành mức án 36 tháng tù về tội cố ý gây thương tích, nói: “án của em không dài như nhiều người khác, chỉ 3 năm thôi, mà đó là chưa trừ đi 4 tháng tạm giam. Và nếu em được giảm án một vài lần thì lại càng nhanh. Cho nên, ngay từ đầu em đã xác định là phải cải tạo tốt để được sớm về với gia đình”. Riêng về cảm xúc, việc nhóm

PN có mức án cao nhất (trên 10 năm) lại tỏ ra thích ứng tốt hơn hai nhóm còn lại, số liệu thống kê cho thấy đó là do những PN thuộc nhóm “trên 10 năm” ít chịu tác động của những tình huống mang tính “cảm xúc” trong sinh hoạt và lao động ở trại. Thực vậy, với những câu hỏi như: “Trong các bữa ăn ở trại, anh/chị thường cảm thấy...” và “Khi xem tivi hay đọc báo, anh/chị thường cảm thấy...”, tỷ lệ trung bình của phương án trả lời “buồn nhớ nhà, nhớ cuộc sống tự do” cho những câu hỏi loại này ở nhóm “trên 10 năm” chỉ là 27,5%, còn của phương án “bình thường (không có cảm xúc gì đặc biệt) lại lên tới 45,6%. Trong khi đó, ở hai nhóm còn lại, tỷ lệ trung bình tương ứng lần lượt là 57,4% và 3,9%. Nghĩa là, so với hai nhóm có mức án thấp hơn, nhóm PN trên 10 năm có sự chai sạn, khó rung động về cảm xúc. Khi chúng tôi phỏng vấn Nông Văn B, người đang chấp hành mức án 12 năm về tội mua bán các chất ma túy ở trại QT, B nói: “Đây là lần thứ 2 em vào trại, nên quen rồi, em chẳng còn buồn vui hay nghĩ ngợi nhiều nữa, tất cả đối với em đều bình thường, chẳng có gì đặc biệt”. Cũng cần bổ sung thêm rằng, theo số liệu thống kê, tỷ lệ PN có tiền án, tiền sự ở nhóm PN “trên 10 năm” là 45,7%, còn ở nhóm “từ 5 năm đến 10 năm” là 21% và nhóm “dưới 5 năm” là 8,6%. Ngoài ra, những PN phải chịu mức án “trên 10 năm” đa phần là phạm tội với lỗi cố ý, tức là họ có sự chuẩn bị tâm lý trước khi phạm tội và tâm lý gánh chịu hậu quả bất lợi cho mình, kể cả về cảm xúc. Theo chúng tôi, cùng với tiền án, tiền sự, đây là một yếu tố quan trọng giúp nhóm PN “trên 10 năm” thích ứng tốt hơn hai nhóm còn lại về mặt cảm xúc, chỉ có điều, đây là thích ứng tiêu cực, nó thể hiện sự trơ dạn, khó chịu tác động của những tình huống dễ gây phản ứng cảm xúc.

3. Sự biến đổi thực trạng thích ứng của PN với CĐSH&LĐ theo hoàn cảnh gia đình

Giữa ba nhóm PN được phân chia theo hoàn cảnh gia đình: nhóm “chưa lập gia đình”, đã lập gia đình” và nhóm “ly hôn, ly thân” cũng có sự khác biệt đáng quan tâm. Bảng 3 cho thấy như sau:

Bảng 3: Sự thích ứng với CĐSH&LĐ ở các nhóm PN theo hoàn cảnh gia đình

TT	Mặt biểu hiện của sự thích ứng	M1-điểm TB của nhóm "Chưa lập gia đình" (N1=108)	M2-điểm TB của nhóm "Đã lập gia đình" (N2=120)	M2-điểm TB của nhóm "Ly hôn, ly thân" (N2=86)	So sánh theo ANOVA*
1	Khuynh hướng hành động	1.47	1.39	1.50	M2<M3, p=0,023
2	Tính tích cực của	2.10	1.98	2.10	M2<M1, p=0,000

	chủ thể				M2<M3, p=0,000
3	Mức độ quen thuộc của hành động	1.92	1.95	2.03	
4	Sự chấp hành nội quy trong sinh hoạt và lao động	1.85	1.75	1.86	M2<M1, p=0,035 M2<M3, p=0,009
5	Cách ứng xử trong tình huống cụ thể	1.82	1.72	1.76	M2<M1, p=0,003
6	Cảm xúc trong hành động	1.84	1.87	1.78	M3<M2, p=0,023
7	Kết quả hành động	1.84	1.74	1.83	M2<M1, p=0,003 M2<M3, p=0,005
8	Tổng hợp	1,83	1,77	1,85	M2<M1, p=0,003 M2<M3, p=0,005

* Ghi chú: ở đây chỉ hiển thị những khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p \leq 0,05$).

- Nhóm “đã lập gia đình” thích ứng tốt hơn hai nhóm còn lại trên các mặt: tính tích cực, sự chấp hành nội quy và kết quả hành động; thích ứng tốt hơn nhóm “ly hôn, ly thân” về “khuynh hướng hành động, cảm xúc trong hành động và thích ứng tốt hơn nhóm “chưa lập gia đình” về cách ứng xử.

- Nhóm “ly hôn, ly thân” thích ứng tốt hơn nhóm “đã lập gia đình” về mặt “cảm xúc”.

- Giữa hai nhóm “đã lập gia đình” và “chưa lập gia đình” không có sự khác biệt nào là đáng kể.

- Về tổng thể, nhóm “đã lập gia đình” thích ứng tốt hơn cả 2 nhóm “chưa lập gia đình” và “ly hôn, ly thân”, còn giữa 2 nhóm “chưa lập gia đình” và “ly hôn, ly thân” thì sự khác biệt là không đáng kể về mặt thống kê.

Như vậy, ở đây chúng ta thấy, vai trò to lớn của gia đình đối với sự thích ứng của PN mới nhập trại với CDSH&LĐ tại trại giam. Nhóm “đã lập gia đình” thích ứng tốt hơn hai nhóm còn lại cả về khuynh hướng hành động, tính tích cực, sự chấp hành nội quy lẫn kết quả hành động, tức là cả về tư tưởng lẫn việc chấp hành nội quy, quy chế trại giam và kết quả hành động. Số liệu thống kê cho thấy, trong số 120 PN đã lập gia đình thì có 87 người được xếp loại cải tạo tốt và khá trong tháng gần nhất, chiếm 72,5%, 10 người – trung bình, 8,3%, chỉ có 1 người – kém, 0,83% và 22 người, 18,3%, chưa được xếp loại (do thời gian ở trại chưa đủ 1 tháng), trong khi con số tương ứng ở nhóm “ly thân, ly hôn”

lần lượt là 47%, 33,5%, 10,2% và 12%. Còn về chấp hành nội quy trại giam, bên cạnh tỷ lệ vi phạm thấp (ở đây chỉ đề cập những vi phạm được quản giáo ghi nhận), nhóm PN đã lập gia đình còn có thái độ tích cực hơn so với hai nhóm còn lại. Cụ thể là chỉ có 2,5% PN đã lập gia đình cho rằng “có thể chấp nhận việc PN vi phạm một vài quy định không cần thiết nào đó”, trong khi con số này ở nhóm PN chưa lập gia đình là 22,4 % và nhóm PN “ly thân, ly hôn” là 47,7%. Kết quả này cũng phù hợp với kết luận của Ph.R.Xundurov (3) về vai trò của gia đình như yếu tố kìm hãm PN trước hành vi vi phạm nội quy, quy chế trại giam. Gia đình càng quan trọng thì sự đổ vỡ của nó lại càng ảnh hưởng nặng nề đến PN, những người đang trong thời khắc đặc biệt khó khăn và gia đình hầu như là chỗ dựa cuối cùng. Nó đưa PN đến chỗ đánh mất niềm tin vào cuộc sống, chán chường, bàng quan, khép kín, khó rung động trước các tác động dễ gây cảm xúc trong cuộc sống. Đây chính là nguyên nhân làm cho những PN đã ly hôn hoặc ly thân thích ứng “tốt” hơn những PN “đã lập gia đình”. Và như vậy, đây là dạng thích ứng tiêu cực, như đã gặp ở nhóm PN với mức án trên 10 năm. Về vấn đề này, Trần Thị H, một nữ PN đã ly hôn với chồng sau khi vào tù tâm sự: “Đối với em, chẳng còn gì để hy vọng: sự nghiệp, danh tiếng, tương lai... Kể cả gia đình, niềm hy vọng của em, cũng đổ vỡ”. Ở đây cũng cần bổ sung thêm rằng, kết quả này cũng phù hợp với kết luận mà chúng tôi rút ra trước đây (2001) khi khảo sát về thái độ của PN đối với hai giá trị gia đình và tương lai (1).

Tóm lại, từ sự so sánh thực trạng thích ứng với CĐSH&LĐ ở các nhóm PN theo học vấn, mức án và hoàn cảnh gia đình, có thể rút ra một số kết luận như sau:

- Thứ nhất, giữa các nhóm PN theo học vấn, thực trạng thích ứng biểu hiện xu hướng là trình độ học vấn của PN càng thấp thì PN thích ứng với CĐSH&LĐ càng tốt và ngược lại. Cụ thể là nhóm PN có trình độ học vấn đại học (cao nhất) lại thích ứng kém nhất, hai nhóm PN “TH-THCS” và “THPT” thích ứng tốt hơn.

- Thứ hai, giữa các nhóm PN theo mức án, khuynh hướng chung là mức án càng cao thì PN càng khó thích ứng với CĐSH&LĐ. Nhóm có mức án dưới 5 năm (thấp nhất) thích ứng tốt hơn cả hai nhóm “từ 5 đến 10 năm” và “trên 10 năm”; giữa hai nhóm “từ 5 đến 10 năm” và “trên 10 năm” sự khác biệt là không đáng kể. Tuy nhiên, về mặt cảm xúc, nhóm “trên 10 năm” lại thích ứng tốt 2 hơn nhóm còn lại.

- Thứ ba, ở các nhóm PN theo hoàn cảnh gia đình, gia đình đóng vai trò vừa là động lực thúc đẩy vừa là “cái phanh” kìm hãm PN trước hành vi vi phạm nội quy trại giam, nên đã giúp nhóm PN “đã lập gia đình” thích ứng tốt hơn hai nhóm còn lại trên tất cả các mặt của sự thích ứng, trừ mặt cảm xúc. Nhóm “ly hôn, ly thân” là nhóm khó thích ứng nhất.

- Thứ tư, ở những PN có mức án trên 10 năm và những PN đã lập gia đình nhưng ly hôn, sự “chai sạn”, “bàng quan”, sự “khép kín” và mất niềm tin vào cuộc sống đã dẫn đến sự thích ứng tiêu cực về mặt cảm xúc.

Tài liệu tham khảo

1. Chu Văn Đức. *Định hướng giá trị của phạm nhân*. Luận văn thạc sỹ tâm lý học, 2002.
2. Димитров А.В., Сафронов В.Р. *Основы пенитенциарной психологии*. М. 2003.
3. Сундуrow Ф.Р. *Социально-психологические и правовые аспекты исправления и перевоспитания правонарушителей*. Изд. Казанского Уни.